



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XLDK VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 28../CBTT-XLDKTH

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 4 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v: Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (đã được soát xét) của Công ty CPXL dầu khí Thanh Hóa

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty : Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hóa
Trụ sở chính : Số 38A Đại lộ Lê Lợi, P. Điện Biên, TP. Thanh Hóa
Điện thoại : 02373 724 668 Fax: 02373 757 886
Người CBTT: Bà Nguyễn Thị Huệ
Địa chỉ : SN 47/4/ Nam Cao - Phường Tân Sơn - TP. Thanh Hóa
Điện thoại : 091.651.7799

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (đã được soát xét) của Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Thanh Hoá.
(Chi tiết Báo cáo đính kèm).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT;
- Ban GD, Trưởng BKS;
- Phụ trách Phòng TCKT;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT

Nguyễn Thị Huệ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 06
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	07 - 36
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800947548 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 16 tháng 02 năm 2006 và thay đổi lần thứ 12 ngày 21 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Hải Bằng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 26/12/2024)
Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 26/12/2024)
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Chủ tịch	
Ông Hoàng Giang	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/9/2024)
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/9/2024)
Ông Phạm Văn Tú	Thành viên	
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Trường	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 08/02/2024)
Ông Hoàng Đắc Tuấn	Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 14/05/2024)
Bà Vũ Thị Hà	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Giám đốc điều hành	(Bổ nhiệm ngày 08/02/2024)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Trường	(Miễn nhiệm ngày 21/05/2024)
Ông Hoàng Đắc Tuấn	(Bổ nhiệm ngày 21/05/2024)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Thanh	Trưởng ban
Bà Trịnh Thị Hồng	Thành viên
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Địa chỉ: Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN

XÂY LẮP DẦU KHÍ

THANH HÓA

Hoàng Đức Tuấn

Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa được lập ngày 21 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

1. Chúng tôi không có đủ thông tin để đánh giá sự phù hợp của các khoản mục nợ phải thu, phải trả tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024 như sau: Phải thu của khách hàng số tiền lần lượt là 88,12 tỷ VND và 67,33 tỷ VND; Trả trước cho người bán số tiền lần lượt là 45,3 tỷ VND và 42,45 tỷ VND; Phải thu khác số tiền lần lượt là 42,19 tỷ VND và 71,41 tỷ VND, Phải trả người bán số tiền lần lượt là 36,7 tỷ VND và 35,56 tỷ VND, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn cùng số tiền là 2,39 tỷ VND.
2. Tại ngày 01/01/2024 và ngày 30/06/2024 Công ty đang phân loại các khoản công nợ trên Bảng cân đối kế toán: Phải thu khách hàng dài hạn (mã số 211) số tiền lần lượt là 65,08 tỷ VND và 64,66 tỷ VND, Trả trước cho người bán dài hạn (mã số 212) cùng số tiền là 39,29 tỷ VND, Phải thu khác dài hạn (mã số 216) cùng số tiền là 28,88 tỷ VND, Dự phòng phải thu khó đòi dài hạn (mã số 219) cùng số tiền là 26,81 tỷ VND, Phải trả người bán dài hạn (mã số 331) số tiền lần lượt là 69,05 tỷ VND và 68,85 tỷ VND, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (mã số 338) cùng số tiền là 309,75 tỷ VND. Chúng tôi không có đủ thông tin cần thiết để có thể đánh giá được sự phù hợp của việc phân loại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn này.
3. Tại ngày 30/06/2024, Công ty vẫn chưa thực hiện đánh giá lại dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu. Chúng tôi không có đủ thông tin cần thiết để có thể đánh giá được sự phù hợp của số dư dự phòng phải thu ngắn hạn và dài hạn đang được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

- 4 Chỉ tiêu Hàng tồn kho (mã số 141) và Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn (mã số 241) của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024 của Công ty đang phản ánh cả một số công trình đã dừng thi công từ năm 2020 trở về trước với số tiền khoảng 263,78 tỷ VND. (Xem thuyết minh số 9 và số 13a) Công ty chưa đánh giá giá trị có thể thu hồi của các công trình này.
- 5 Công ty đang ghi nhận chi phí khấu hao của tòa nhà Dầu khí số 38A Đại lộ Lê Lợi, và các chi phí phát sinh phục vụ hoạt động cho thuê văn phòng tại tòa nhà này vào chỉ tiêu Hàng tồn kho (mã số 141) với số dư tại ngày 01/01/2024 và ngày 30/06/2024 với cùng số tiền là 4,22 tỷ VND (Xem thuyết minh số 9). Nếu Công ty trình bày Báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán hiện hành thì: chỉ tiêu Hàng tồn kho (mã số 141) sẽ giảm đi số dư nêu trên, đồng thời chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 421) cũng giảm đi số tiền tương ứng; chỉ tiêu Giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 sẽ tăng thêm 896,9 triệu VND.
- 6 Trên chỉ tiêu Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (mã số 242) của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024 đang phản ánh giá trị chi phí đầu tư vào dự án "Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị xây dựng Khu liên hợp hóa dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa tại xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa" với số tiền là 19,4 tỷ VND. Tuy nhiên dự án này đã bị chấm dứt thực hiện kể từ ngày 01/08/2013. (Xem thuyết minh số 13b).
- 7 Tại ngày 01/01/2024, Công ty đang tạm ghi nhận vào chỉ tiêu Doanh thu chưa thực hiện (mã số 318) và Phải thu khách hàng (mã số 131) của Bảng cân đối kế toán đối với giá trị của khối lượng công việc hoàn thành đợt 7, đợt 8 - Công trình Quốc lộ 217 Cẩm Thủy là 16,4 tỷ VND. Các khối lượng công việc hoàn thành này đều đã được chủ đầu tư và tư vấn giám sát nghiệm thu và đã được các bên bàn giao, tiếp nhận và đưa vào sử dụng từ ngày 22/12/2020. Tuy nhiên Công ty chưa quyết toán được các hạng mục này với đơn vị tổng thầu là Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất (Xem thuyết minh số 18). Vấn đề này vẫn đang ảnh hưởng đến số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024 đính kèm.
- 8 Công ty chưa ghi nhận khoản chi phí phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam liên quan đến 02 dự án "Khách sạn Lam Kinh" và dự án "Tòa nhà Dầu khí 38A" từ năm 2015 đến ngày 30/06/2024 với giá trị khoảng 551,46 tỷ VND. (Xem thuyết minh số 20).
- 9 Trong năm 2023, Công ty đang ghi nhận thu nhập khác là khoản tiền lãi chậm thanh toán của Công ty TNHH Xây dựng Hùng Sơn theo thỏa thuận hòa giải được công nhận (Xem thuyết minh 27) với số tiền là 1,1 tỷ VND tuy nhiên chưa thu được tiền. Việc ghi nhận này làm số dư tại ngày 01/01/2024 của chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác (mã số 136) cùng chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 421) đang phản ánh thừa 1,1 tỷ VND.
- 10 Tại ngày 01/01/2024 và ngày 30/06/2024 Công ty đang theo dõi khoản chi phí sửa chữa lớn Tòa nhà Dầu khí trên chỉ tiêu Chi phí trả trước dài hạn (Mã số 261) số tiền lần lượt là 8,72 tỷ VND và 7,25 tỷ VND (xem thuyết minh số 10) tuy nhiên Công ty chưa cung cấp được nghiệm thu hoàn thành việc sửa chữa do đó chúng tôi không xác định được sự phù hợp của số dư khoản chi phí trả trước này và phần được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Trong phạm vi của một cuộc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên đến Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã chuyển nhượng dự án "Khách sạn Lam Kinh" cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh quản lý và khai thác sử dụng khi chưa có sự chấp thuận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi việc từ chối đưa ra kết luận nêu trên của chúng tôi.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1


Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2025


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		188.550.477.997	219.612.901.831
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	357.992.835	783.377.770
111	1. Tiền		357.992.835	783.377.770
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	25.000.000.000	25.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		25.000.000.000	25.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		89.847.690.604	100.699.140.449
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	43.185.205.658	50.790.697.739
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.359.763.590	6.015.625.973
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	43.302.721.356	43.892.816.737
140	IV. Hàng tồn kho	9	71.470.895.194	90.316.524.777
141	1. Hàng tồn kho		71.470.895.194	90.316.524.777
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.873.899.364	2.313.858.835
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	460.688.027	75.489.695
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.352.689.515	2.177.847.318
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu	16	60.521.822	60.521.822
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		377.537.230.331	380.152.295.340
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		106.015.201.552	106.435.653.877
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	64.660.513.451	65.080.965.776
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	6	39.286.577.950	39.286.577.950
216	3. Phải thu dài hạn khác	7	28.881.954.296	28.881.954.296
219	4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(26.813.844.145)	(26.813.844.145)
220	II. Tài sản cố định		228.847.151	278.791.452
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	228.847.151	278.791.452
222	- Nguyên giá		2.609.395.391	2.609.395.391
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.380.548.240)	(2.330.603.939)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	44.722.569.646	45.601.884.502
231	- Nguyên giá		73.235.868.711	73.235.868.711
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.513.299.065)	(27.633.984.209)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	13	218.968.857.670	218.968.857.670
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		199.600.912.198	199.600.912.198
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		19.367.945.472	19.367.945.472
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.296.788.082	18.296.788.082
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(18.296.788.082)	(18.296.788.082)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.601.754.312	8.867.107.839
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.601.754.312	8.867.107.839
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		566.087.708.328	599.765.197.171

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		503.580.768.051	523.467.498.250
310	I. Nợ ngắn hạn		108.857.437.818	128.303.526.305
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	16.556.872.465	16.699.069.252
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	845.573.788	1.251.287.870
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	273.954.366	485.409.570
314	4. Phải trả người lao động		1.209.982.287	638.391.381
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	84.990.441.638	87.522.256.961
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	-	16.405.389.917
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.032.322.470	2.353.430.550
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.948.290.804	2.948.290.804
330	II. Nợ dài hạn		394.723.330.233	395.163.971.945
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14	68.849.084.627	69.049.084.627
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	16.120.656.561	16.361.298.273
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	309.753.589.045	309.753.589.045
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		62.506.940.277	76.297.698.921
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	62.506.940.277	76.297.698.921
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		6.355.535.090	6.355.535.090
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.567.942.490	1.567.942.490
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(155.416.537.303)	(141.625.778.659)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(141.625.778.659)	(139.756.319.031)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(13.790.758.644)	(1.869.459.628)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		566.087.708.328	599.765.197.171


Lương Quang Trung
Người lập biểu


Vũ Thị Hải
Phụ trách phòng
Tài chính - Kế toán


Hoàng Đức Tuấn
Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 21 tháng 03 năm 2025



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	12.735.416.894	10.049.578.735
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.735.416.894	10.049.578.735
11	3. Giá vốn hàng bán	23	23.770.130.081	9.594.537.027
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(11.034.713.187)	455.041.708
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24	582.085.701	1.474.514.555
22	6. Chi phí tài chính	25	-	54.350.685
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	54.350.685
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.271.683.396	3.075.666.063
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.724.310.882)	(1.200.460.485)
31	9. Thu nhập khác		424.402	378
32	10. Chi phí khác		66.872.164	25.860.571
40	11. Lợi nhuận khác		(66.447.762)	(25.860.193)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(13.790.758.644)	(1.226.320.678)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		(13.790.758.644)	(1.226.320.678)
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	(657)	(58)

Lương Quang Trung
Người lập biểu

Vũ Thị Hải
Phụ trách phòng
Tài chính - Kế toán

Hoàng Đức Tuấn
Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 21 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(13.790.758.644)	(1.226.320.678)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		929.259.157	999.488.165
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(582.085.701)	(1.474.514.555)
06	- Chi phí lãi vay		-	54.350.685
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	52.000.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(13.443.585.188)	(1.594.996.383)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		11.984.198.541	(3.453.934.444)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		18.845.629.583	2.267.490.415
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(19.886.730.199)	(2.339.017.470)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		880.155.195	(1.023.240.007)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(54.350.685)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.620.332.068)	(6.198.048.574)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		-	(62.450.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(19.900.000.000)	(24.100.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		20.400.000.000	25.174.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		694.947.133	1.688.032.105
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.194.947.133	2.699.582.105
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		-	(700.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(700.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(425.384.935)	(4.198.466.469)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		783.377.770	5.841.182.670
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	357.992.835	1.642.716.201

Lương Quang Trung
Người lập biểu

Vũ Thị Hải
Phụ trách phòng
Tài chính - Kế toán

Hoàng Đức Tuấn
Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 21 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800947548 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 16 tháng 02 năm 2006 và thay đổi lần thứ 12 ngày 21 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty là: 210.000.000.000 VND (Hai trăm mười tỷ đồng), tương ứng với 21.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 37 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 42 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác lâm nghiệp; Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê. Đầu tư cải tạo đất, đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê đã có hạ tầng, phát triển các dự án nhà ở trong khu đô thị, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kv, công trình thể thao ngoài trời, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị, khu kinh tế;
- Phá dỡ, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi lưu giữ hàng hóa và một số dịch vụ khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ, Công ty tiếp tục xử lý các tồn đọng của các năm trước liên quan đến các công trình chưa quyết toán được, thực hiện cung cấp dịch vụ cho thuê Tòa nhà Dầu Khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa và thực hiện xây lắp các Công trình.

Tại thời điểm 30/06/2024, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đang phản ánh lỗ lũy kế đến 30/06/2024 là 155,42 tỷ VND, tương ứng 74,01% vốn góp của chủ sở hữu; nợ phải thu khách hàng ngắn hạn và dài hạn là 107,45 tỷ, lớn gấp 8,47 lần doanh thu trong kỳ và Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ này; nợ phải trả là 503,58 tỷ VND, lớn gấp 2,39 lần vốn góp của chủ sở hữu, Công ty chưa ghi nhận nợ phải trả PVcombank số tiền là 551,46 tỷ VND; đồng thời không đánh giá và trình bày các khoản nợ phải trả quá hạn thanh toán. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục vì các lý do sau đây:

- Công ty đang trong giai đoạn nghiệm thu phòng cháy chữa cháy Tòa nhà Dầu Khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, dự kiến doanh thu từ hoạt động cho thuê Tòa nhà này sẽ trở lại và cung cấp nguồn thu lớn cho công ty trong thời gian sắp tới;
- Công ty cũng đang thực hiện các hợp đồng xây dựng như Công trình đường giao thông, thoát nước mưa, cống qua đường thuộc dự án Khu đô thị nghỉ dưỡng Khoáng nóng xã Quảng Yên giá trị hợp đồng và các phụ lục khoảng 20,58 tỷ VND,... Các công trình này dự kiến sẽ đem lại nguồn thu lớn cho công ty trong thời gian tới.

Từ các căn cứ trên, Công ty cho rằng tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ có chuyển biến tích cực, theo đó Công ty sẽ đảm bảo đủ vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đủ vốn đầu tư để hoàn thành kế hoạch đầu tư dự kiến.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Khai thác Khoáng sản	Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính/báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị khác	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

2.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư là Tòa nhà Dầu khí, đặt tại số 38A, Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.16 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

2.19 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 Thông tin bộ phận

Do trong kỳ, phần lớn doanh thu của Công ty là từ doanh thu xây lắp công trình và phát sinh tại miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	58.025.177	139.897.299
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	299.967.658	643.480.471
	357.992.835	783.377.770

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	25.000.000.000	-	25.500.000.000	-
	25.000.000.000	-	25.500.000.000	-

(i) Tại ngày 30/06/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có giá trị 25.000.000.000 VND là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á và Ngân hàng Bản Việt với lãi suất từ 4,6%/năm - 5,0%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	18.296.788.082	(18.296.788.082)	18.296.788.082	(18.296.788.082)
	<u>18.296.788.082</u>	<u>(18.296.788.082)</u>	<u>18.296.788.082</u>	<u>(18.296.788.082)</u>

- (i) Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh có vốn điều lệ 190.000.000.000 VND chia thành 19.000.000 cổ phần, Công ty sở hữu giữ 9,63% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản dự phòng cho khoản đầu tư trên được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 chưa được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh. Tại ngày 31/12/2020, vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh là âm 29.852.509.182 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan	11.718.768.346	-	11.718.768.346	-
Chi nhánh Phía bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí	11.104.044.502	-	11.104.044.502	-
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	614.723.844	-	614.723.844	-
Bên khác	31.466.437.312	(1.095.147.029)	39.071.929.393	(1.095.147.029)
Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất	5.137.376.635	-	12.901.106.232	-
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	2.512.957.548	-	3.212.957.548	-
Công ty TNHH xây dựng Nhật Quảng	5.949.211.050	-	5.949.211.050	-
Công ty TNHH xây dựng Cát Hải	3.916.482.294	-	3.380.370.766	-
Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp OLYMPIA	6.881.842.459	-	7.881.842.459	-
Các khách hàng khác	7.068.567.326	(1.095.147.029)	5.746.441.338	(1.095.147.029)
	43.185.205.658	(1.095.147.029)	50.790.697.739	(1.095.147.029)
b) Dài hạn				
Bên liên quan				
Tổng công ty CP xây lắp dầu khí Việt Nam	12.191.285.851	-	12.191.285.851	-
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí	6.644.469.568	-	7.064.921.893	-
Ban ĐH Dự án nhà máy xơ sợi Polyester Hải Phòng	564.179.713	-	564.179.713	-
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	45.260.578.319	-	45.260.578.319	-
	64.660.513.451	-	65.080.965.776	-

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan	1.159.498.000	-	1.159.498.000	-
Công ty CP Anh Phát Nghị Sơn	1.088.870.000	-	1.088.870.000	-
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	70.628.000	-	70.628.000	-
Bên khác	2.200.265.590	-	4.856.127.973	-
Tổng công ty công trình Giao thông I Thanh Hóa - CTCP	-	-	2.100.000.000	-
Các đối tượng khác	2.200.265.590	-	2.756.127.973	-
	3.359.763.590	-	6.015.625.973	-
b) Dài hạn				
Bên liên quan	34.583.560.480	-	34.583.560.480	-
Tổng Công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	29.355.863.103	-	29.355.863.103	-
Công ty CP xây lắp dầu khí Trường Sơn	3.499.319.305	-	3.499.319.305	-
Công ty CP đầu tư XD Vinaconex - PVC	1.728.378.072	-	1.728.378.072	-
Bên khác	4.703.017.470	(20.000.000)	4.703.017.470	(20.000.000)
Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
Công ty CP xây dựng và TM Hùng Đô	1.148.135.182	-	1.148.135.182	-
Các khách hàng khác	2.254.882.288	(20.000.000)	2.254.882.288	(20.000.000)
	39.286.577.950	(20.000.000)	39.286.577.950	(20.000.000)

7 PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	120.824.866	-	233.686.298	-
Phải thu về tạm ứng	5.303.751.963	(506.144.678)	5.128.836.793	(506.144.678)
Phải thu các nhà thầu dự án Nghi Sơn (i)	24.730.140.084	-	24.730.140.084	-
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng (ii)	6.942.986.111	-	6.942.986.111	-
Phải thu khác	6.205.018.332	-	6.857.167.451	-
	43.302.721.356	(506.144.678)	43.892.816.737	(506.144.678)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	34.000.000	-	34.000.000	-
Ông Dương Trọng Hưng	7.598.015.237	(7.598.015.237)	7.598.015.237	(7.598.015.237)
Ông Nguyễn Trung Liêm	7.137.808.143	(7.137.808.143)	7.137.808.143	(7.137.808.143)
Ông Lương Hoàng	10.367.791.662	(10.367.791.662)	10.367.791.662	(10.367.791.662)
Phải thu khác	3.744.339.254	(88.937.396)	3.744.339.254	(88.937.396)
	28.881.954.296	(25.192.552.438)	28.881.954.296	(25.192.552.438)
c) Trong đó: Bên liên quan				
Công ty CP Xây dựng và Dân dụng Dầu Khí	1.750.748.646	-	1.750.748.646	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC	1.096.366.511	-	1.096.366.511	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy dầu khí	362.654.029	-	362.654.029	-
Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	184.754.218	-	184.754.218	-
	3.394.523.404	-	3.394.523.404	-

(i) Bao gồm các khoản chi phí xây dựng hệ thống chiếu sáng, các chi phí chung và các khoản chi phí quyền góp từ thiện, kinh phí khen thưởng Ban quản lý mà Công ty sẽ phân bổ cho các nhà thầu phụ tham gia công trình lọc hóa dầu Nghi Sơn theo tỷ lệ khối lượng của mỗi nhà thầu khi có quyết toán.

(ii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 24/2011/HĐHTĐT-PVC.TH-PVSH ngày 08/09/2011, Công ty chuyển giao số tiền 27.500.000.000 VND cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng để đầu tư vào dự án Khu đô thị PVSH Garden tại huyện Nhoơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với mức phí sử dụng vốn là 17%/năm trong 180 ngày kể từ thời điểm Công ty giao vốn. Công ty đã dừng thu phí sử dụng vốn tại thời điểm 30/06/2013. Tại thời điểm 30/06/2024, số dư phí sử dụng vốn là 6.942.986.111 VND.

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ông Dương Trọng Hưng	7.598.015.237	-	7.598.015.237	-
Ông Nguyễn Trung Liêm	7.137.808.143	-	7.137.808.143	-
Ông Lương Hoàng Công ty CP Công nghiệp Nam Sơn	10.367.791.662	-	10.367.791.662	-
Đối tượng khác	459.735.480	137.920.644	459.735.480	137.920.644
	1.388.414.267	-	1.388.414.267	-
	26.951.764.789	137.920.644	26.951.764.789	137.920.644

9 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	72.986.796	-	72.986.796	-
Công cụ, dụng cụ	13.560.400	-	13.560.400	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn (i)	71.384.347.998	-	90.229.977.581	-
	71.470.895.194	-	90.316.524.777	-

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết Chi phí dở dang công trình	66.898.422.794	-	85.744.052.377	-
Dự án San lấp mặt bằng Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	31.945.976.121	-	31.945.976.121	-
Công trình 217 Cẩm Thủy	-	-	18.636.094.435	-
Trạm phát điện Thái Bình	7.209.049.174	-	7.206.697.174	-
Công trình thi công 25 ha	7.789.254.232	-	7.789.254.232	-
Các công trình khác	19.954.143.267	-	20.166.030.415	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác	4.485.925.204	-	4.485.925.204	-
Tòa nhà 38A cho thuê	4.222.321.206	-	4.222.321.206	-
Chi phí dở dang khác	263.603.998	-	263.603.998	-
	71.384.347.998	-	90.229.977.581	-

(*) Gồm chi phí khấu hao và chi phí quản lý tòa nhà 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hoá.

Tại ngày 30/06/2024, Các công trình tồn đọng chưa quyết toán được đang theo dõi trên Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn với tổng số dư là 64,18 tỷ VND.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	460.688.027	75.489.695
	<u>460.688.027</u>	<u>75.489.695</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	151.009.539
Sửa chữa lớn tòa nhà 38A (i)	7.601.754.312	8.716.098.300
	<u>7.601.754.312</u>	<u>8.867.107.839</u>

- (i) Chi phí sửa chữa lớn tòa nhà 38A tại Đại lộ Lê Lợi - Thanh Hóa bao gồm các chi phí tháo dỡ, sửa chữa, thay thế, lắp mới,... Công ty chưa lập các hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công tác sửa chữa lớn này.

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	293.528.482	624.245.455	1.628.894.181	62.727.273	2.609.395.391
Số dư cuối năm	293.528.482	624.245.455	1.628.894.181	62.727.273	2.609.395.391
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	291.569.007	539.598.027	1.452.087.911	47.348.994	2.330.603.939
- Khấu hao trong năm	-	14.346.571	29.325.000	6.272.730	49.944.301
Số dư cuối năm	291.569.007	553.944.598	1.481.412.911	53.621.724	2.380.548.240
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.959.475	84.647.428	176.806.270	15.378.279	278.791.452
Tại ngày cuối năm	1.959.475	70.300.857	147.481.270	9.105.549	228.847.151

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 2.032.185.016 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 1.911.089.636 VND).

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà văn phòng VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	73.235.868.711	73.235.868.711
Số dư cuối kỳ	73.235.868.711	73.235.868.711
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	27.633.984.209	27.633.984.209
- Khấu hao trong kỳ	879.314.856	879.314.856
Số dư cuối kỳ	28.513.299.065	28.513.299.065
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	45.601.884.502	45.601.884.502
Tại ngày cuối kỳ	44.722.569.646	44.722.569.646

Trong kỳ, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 932.833.865 VND (kỳ 6 tháng đầu năm 2023 là 475.268.981 VND).

Bất động sản đầu tư cho thuê duy nhất mà Công ty sở hữu và kinh doanh từ năm 2015 là Tòa nhà Dầu khí, đặt tại số 38A, Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa. Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư này để đảm bảo cho khoản tiền vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 06 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của tài sản này, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Khu tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở chung cư (i)	199.600.912.198	199.600.912.198	199.600.912.198	199.600.912.198
	199.600.912.198	199.600.912.198	199.600.912.198	199.600.912.198

- (i) Dự án có tên gọi "Khu tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở chung cư" của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh hóa được xây dựng trên khu đất có diện tích 32.275,5 m² giáp Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Dự án được chia làm 2 tiểu dự án thành phần gồm "Dự án Khách sạn Lam Kinh" trên khu đất có diện tích 18.791,9 m² và "Dự án giai đoạn 2" trên khu đất có diện tích 13.483,6 m².

Ngày 30 tháng 11 năm 2011, Công ty đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng số 41/2011/HĐCN với Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (KSLK) về việc Công ty chuyển nhượng "Dự án Khách sạn Lam Kinh" cho KSLK với tổng giá trị chuyển nhượng tài sản dự án "bằng giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng Khách sạn Lam Kinh đã được phê duyệt và kiểm toán theo quy định". Tuy nhiên, đến ngày 30 tháng 06 năm 2024, thủ tục liên quan đến việc chuyển nhượng trên vẫn chưa hoàn tất.

Đồng thời trong năm 2017, "Dự án giai đoạn 2", Công ty đã chuyển nhượng dự án cho Công ty Cổ phần Mai Tuấn Nghĩa.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20, dự án này đang được thế chấp cho khoản vay tại Công ty Tài chính Dầu khí Thanh Hóa (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa). Theo đó, việc chuyển nhượng dự án phải được sự chấp thuận của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa. Tuy nhiên Công ty đã chuyển nhượng dự án "Khách sạn Lam Kinh" cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh quản lý và khai thác sử dụng khi chưa có sự chấp thuận của Pvcombank.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Xây dựng cơ bản		
- Dự án Xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị xây dựng Khu liên hợp hóa dầu Nghi Sơn (i)	19.367.945.472	19.367.945.472
	19.367.945.472	19.367.945.472

(i) Theo Quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS ngày 01/08/2013 của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn, dự án này đã bị chấm dứt. Theo đó, ngày 24/09/2014, Công ty đã có biên bản làm việc với đối tác là Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương Mại Anh Phát - CTCP về việc thỏa thuận hoàn trả chi phí đã đầu tư tại dự án, tổng số là 26.422.536.093 VND, trong đó giá trị đầu tư thống nhất được hoàn trả là 14.760.774.232 VND, giá trị chưa được thống nhất là 11.661.761.861 VND liên quan tới chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã ứng cho các hộ dân để thu hồi đất do chưa hoàn thiện các thủ tục có liên quan.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan	40.631.752	40.631.752	40.631.752	40.631.752
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy	40.631.752	40.631.752	40.631.752	40.631.752
Bên khác	16.516.240.713	16.516.240.713	16.658.437.500	16.658.437.500
Tổng công ty xây dựng số 1 - TNHH	898.130.497	898.130.497	898.130.497	898.130.497
Công ty CP Tư vấn Địa kỹ thuật Việt Cường	1.062.460.300	1.062.460.300	1.212.460.300	1.212.460.300
Công ty CP Đầu tư BT Quảng Ninh	2.573.245.800	2.573.245.800	2.773.245.800	2.773.245.800
Các đối tượng khác	11.982.404.116	11.982.404.116	11.774.600.903	11.774.600.903
	16.556.872.465	16.556.872.465	16.699.069.252	16.699.069.252

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn				
Bên liên quan	47.678.531.819	47.678.531.819	47.878.531.819	47.878.531.819
Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC	24.818.030.770	24.818.030.770	24.818.030.770	24.818.030.770
Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí (PVC ME)	20.962.012.224	20.962.012.224	21.012.012.224	21.012.012.224
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	1.217.563.758	1.217.563.758	1.367.563.758	1.367.563.758
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	626.803.218	626.803.218	626.803.218	626.803.218
Công ty CP xây lắp dầu khí Nghệ An	54.121.849	54.121.849	54.121.849	54.121.849
Bên khác	21.170.552.808	21.170.552.808	21.170.552.808	21.170.552.808
Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718
Công ty CP Cosevco 1	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861
Công ty TNHH Minh Hằng	2.361.558.818	2.361.558.818	2.361.558.818	2.361.558.818
Các đối tượng khác	7.641.273.411	7.641.273.411	7.641.273.411	7.641.273.411
	68.849.084.627	68.849.084.627	69.049.084.627	69.049.084.627

15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bên liên quan	44.213.000	44.213.000
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	44.213.000	44.213.000
Bên khác	801.360.788	1.207.074.870
Công ty TNHH Xây dựng Cát Hải	-	365.935.893
Công ty TNHH Xây dựng Thống Nhất	200.000.000	200.000.000
Công ty CP Tập đoàn FLC Faros	500.000.000	500.000.000
Đối tượng khác	101.360.788	141.138.977
	845.573.788	1.251.287.870

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	31.084.695	-	-	-	31.084.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.521.822	-	-	-	60.521.822	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	31.554.854	6.452.892	9.910.986	-	28.096.760
Thuế tài nguyên	-	3.953.586	-	-	-	3.953.586
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	415.992.445	291.194.557	499.191.667	-	207.995.335
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.823.990	4.000.000	4.000.000	-	2.823.990
	60.521.822	485.409.570	301.647.449	513.102.653	60.521.822	273.954.366

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	84.525.184.953	84.525.184.953
Chi phí phải trả khác	465.256.685	2.997.072.008
	84.990.441.638	87.522.256.961

18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công trình quốc lộ 217 Cẩm Thủy (giá trị khối lượng hoàn thành đợt 7, 8) (i)	-	16.405.389.917
	-	16.405.389.917
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	16.120.656.561	16.361.298.273
	16.120.656.561	16.361.298.273

(i) Theo điều khoản thanh toán của Hợp đồng thi công số 1004/2018/HĐXD/TN-PVCTH ngày 10/04/2018 giữa Công ty TNHH Xây dựng Thống nhất và PVC-TH về việc thi công xây dựng nền mặt đường và công trình thoát nước đoạn tuyến KM 67+248 đến KM73+00 thuộc Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 217, Công ty TNHH Xây dựng Thống nhất (Bên A - Tổng thầu) sẽ thanh toán cho PVC-TH (Bên B - Thầu phụ) từng đợt theo tiến độ nghiệm thu/thanh toán của Bên A với chủ đầu tư. Mỗi đợt khối lượng hoàn thành của PVC-TH được chủ đầu tư và tư vấn giám sát nghiệm thu thì Bên A sẽ thanh toán cho PVC-TH 95% giá trị hoàn thành. Tại thời điểm 31/12/2020, toàn bộ các đợt phát sinh khối lượng hoàn thành của PVC-TH đều đã được chủ đầu tư và tư vấn giám sát nghiệm thu. Thêm vào đó, toàn bộ gói thầu 2.1 trong đó bao gồm các hạng mục theo hợp đồng thi công xây dựng nêu trên đã được các bên bàn giao, tiếp nhận và đưa công trình vào sử dụng vào ngày 22/12/2020. Tuy nhiên, do Công ty TNHH Xây dựng Thống nhất chưa thực hiện việc xác nhận khối lượng hoàn thành đợt 7, 8 và quyết toán hợp đồng theo đúng quy định của hợp đồng và của pháp luật nên PVC-TH chưa phát hành hóa đơn giá trị gia tăng và ghi nhận doanh thu kịp thời. Tại ngày 01/01/2024, Công ty đang tạm ghi nhận khối lượng giá trị hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận vào doanh thu chưa thực hiện đồng thời ghi nhận nợ phải thu từ Công ty TNHH Xây dựng Thống nhất. Trong kỳ, Công ty đã quyết toán xong Công trình quốc lộ 217 Cẩm Thủy.

19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	224.281.325	195.818.525
Bảo hiểm xã hội	865.763.718	587.499.017
Bảo hiểm y tế	21.796.200	12.464.100
Bảo hiểm thất nghiệp	9.487.600	5.539.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	230.390.535	230.390.535
Các khoản phải trả, phải nộp khác	680.603.092	1.321.718.773
	2.032.322.470	2.353.430.550

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Địa chỉ: Tầng 10 Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Báo cáo tài chính giữa niên độ

20 VAY DÀI HẠN

	01/01/2024		Trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Ngân hàng Thương mại CP Đại chúng Việt Nam (i)	307.367.045.771	307.367.045.771	-	-	307.367.045.771	307.367.045.771
- Ông Nguyễn Trung Liêm	119.113.274	119.113.274	-	-	119.113.274	119.113.274
- Bà Vũ Thúy Hạnh	1.867.430.000	1.867.430.000	-	-	1.867.430.000	1.867.430.000
- Ông Nguyễn Duy Linh	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000
	309.753.589.045	309.753.589.045	-	-	309.753.589.045	309.753.589.045
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	309.753.589.045	309.753.589.045			309.753.589.045	309.753.589.045

- (i) Ngày 28/01/2011, Công ty ký Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCCTL08/PL02 với Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và với Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam, theo đó Công ty nhận chuyển giao khoản vay của Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam).
- Khoản vay chi tiết của Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFCCTL08, Phụ lục hợp đồng số 14/HĐTD-DH/PVFCCTL08 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/01/2011, số tiền vay là 26.259.885.960 VND.
- Mục đích sử dụng vốn là đầu tư tòa nhà văn phòng tại 38A Đại lộ Lê Lợi.
- Thời hạn vay là 10 năm tính từ ngày 24/12/2010.
- Lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ ngày 24/12/2010, lãi suất được điều chỉnh theo quý.
- Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ Tòa nhà Dầu khí tại 38A Đại lộ Lê Lợi tại thành phố Thanh Hóa.

Ngày 18/02/2011, Công ty ký Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án số 08/2011/HBCNDA/PVFLand-PVC-TH với Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam, theo hợp đồng Công ty nhận lại khoản vay của Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Tổng Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam).

Khoản vay chi tiết theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210, Phụ lục hợp đồng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210.

Mục đích sử dụng vốn là thanh toán các chi phí thuộc tổng đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh với hạn mức 295.000.000 VND.

Thời hạn vay là từ ngày 27/12/2010 đến ngày 15/04/2022.

Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần tính từ ngày 15/01/2011, lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ ngày 27/12/2010.

Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh, nguồn thu từ dự án và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án.

Theo thư xác nhận số dư của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam số 16558/PVB-QL&TCTTS ngày 22/07/2023, chi phí đi vay và các khoản phạt liên quan đến dự án "Khu Tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở" cụ thể là dự án "Khách sạn Lam Kinh" và dự án "Đầu tư Xây dựng Tòa nhà Dầu khí 38A Đại lộ Lê Lợi - Thanh Hóa" từ năm 2015 đến ngày 31/12/2023 Công ty chưa chi trả cho Ngân hàng số tiền là 635.986.509.037 VND (tài ngày 30/06/2024, Công ty chưa nhận được thông báo số dư mới nhất từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam), trong đó Công ty đã tạm trích trước chi phí lãi vay và ghi nhận lũy kế đến ngày 30/06/2024 trên khoản mục chi phí phải trả với giá trị là 84.525.184.953 VND (chi tiết tại Thuyết minh số 17).

Dựa theo Quyết định số 03/2022/QĐST-KDTM ngày 25/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa tạm đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của 2 hợp đồng vay nêu trên do đã hết thời hạn tạm ngưng phiên tòa nhưng chưa thu thập được các chứng cứ theo lý do tạm ngưng phiên tòa. Ngày 02/11/2023, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa tỉnh Thanh Hóa ra quyết định số 17/2023/QĐST-KDTM về việc tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại và đưa ra quyết định 04/2023/QĐ-ĐG về việc đình giá tài sản và thành lập hội đồng định giá tài sản tranh chấp ngày 06/11/2023. Đến ngày 02/02/2024, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa tỉnh Thanh Hóa ra quyết định số 14/2024/QĐST-KDTM về việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự cho đến khi có kết quả định giá tài sản tranh chấp.

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(139.808.319.031)	78.115.158.549
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	(1.226.320.678)	(1.226.320.678)
Tăng khác	-	-	-	52.000.000	52.000.000
Số dư cuối năm trước	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(140.982.639.709)	76.940.837.871
Số dư đầu năm nay	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(141.625.778.659)	76.297.698.921
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(13.790.758.644)	(13.790.758.644)
Số dư cuối kỳ này	210.000.000.000	6.355.535.090	1.567.942.490	(155.416.537.303)	62.506.940.277

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	75.600.000.000	36,00	75.600.000.000	36,00
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	1.400.000.000	0,67	1.400.000.000	0,67
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	31.000.000.000	14,76	31.000.000.000	14,76
Công ty CP Quản lý quỹ Leadvisors	15.000.000.000	7,14	15.000.000.000	7,14
Các cổ đông khác	87.000.000.000	41,43	87.000.000.000	41,43
	210.000.000.000	100	210.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6.355.535.090	6.355.535.090
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.567.942.490	1.567.942.490
	7.923.477.580	7.923.477.580

22 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	11.684.051.220	9.535.383.728
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.051.365.674	514.195.007
	12.735.416.894	10.049.578.735
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	-	2.172.748.009

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Giá vốn xây lắp	21.872.259.107	9.080.342.020
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.897.870.974	514.195.007
	23.770.130.081	9.594.537.027

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	582.085.701	1.474.514.555
	582.085.701	1.474.514.555

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	54.350.685
	-	54.350.685

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.451.845.644	2.116.404.429
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	178.296.946	141.304.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.216.175	80.397.732
Thuế, phí và lệ phí	73.005.193	18.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	331.329.346	165.446.799
Chi phí khác bằng tiền	227.990.092	553.513.031
	3.271.683.396	3.075.666.063

27 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(13.790.758.644)	(1.226.320.678)
Các khoản điều chỉnh tăng	66.872.164	25.819.009
- <i>Chi phí không được trừ</i>	66.872.164	25.819.009
Thu nhập chịu thuế TNDN	(13.723.886.480)	(1.200.501.669)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(60.521.822)	(60.521.822)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(60.521.822)	(60.521.822)

28 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(13.790.758.644)	(1.226.320.678)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(13.790.758.644)	(1.226.320.678)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(657)	(58)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	848.404.569	1.194.876.579
Chi phí nhân công	2.987.629.314	4.220.898.968
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.803.966.675	141.304.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	888.531.031	999.488.165
Thuế, phí và lệ phí	(51.792.695)	18.600.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.196.684.467	3.018.889.768
Chi phí khác bằng tiền	522.760.533	808.655.123
	8.196.183.894	10.402.712.675

30 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty CP Xây lắp dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của cổ đông lớn
Chi nhánh Phía bắc - Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của cổ đông lớn
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Xơ sợi Polyester Hải Phòng	Đơn vị phụ thuộc của cổ đông lớn
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại Anh Phát - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty CP Quản lý quỹ Leadvisors	Cổ đông lớn
Công ty CP Anh Phát Nghi Sơn	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty con của cổ đông lớn
Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí Trường Sơn	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim - PVC	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Trang trí nội thất Dầu khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết của cổ đông lớn
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	-	2.172.748.009
Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	-	2.172.748.009


Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
		VND	VND
Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT	165.000.000	159.545.456
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Phạm Văn Tú	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Phạm Văn Trường	Thành viên HĐQT	56.454.545	153.636.364
	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/02/2024)		
Ông Hoàng Đắc Tuấn	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14/5/2024)	42.545.455	-
Bà Vũ Thị Hà	Phó Giám đốc	123.000.000	125.454.546
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Giám đốc điều hành (Bổ nhiệm ngày 08/02/2024)	123.000.000	118.181.818
Bà Vũ Thị Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát	79.090.909	70.909.092
Bà Trịnh Thị Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	12.000.000


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

32 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.


Lương Quang Trung
Người lập biểu


Vũ Thị Hải
Phụ trách phòng Tài chính
- Kế toán


Hoàng Đắc Tuấn
Giám đốc
Thanh Hóa, ngày 21 tháng 03 năm 2025

